

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 27

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tặng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên độc lập
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên
Ông Vũ Hữu Phúc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2023)
Ông Trần Lý	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2023)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hữu Phúc	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2023)
Ông Trần Lý	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023) Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023; miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2023)
Ông Nguyễn Đức Phú	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2023)
Ông Châu Đình Quốc	Phó Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 12227/BTC-CĐKT ngày 03 tháng 9 năm 2015 về việc trả lời Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

PHÒNG  
CHỦ  
HƯ  
A-T

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 12227/BTC-CĐKT ngày 03 tháng 9 năm 2015 về việc trả lời Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

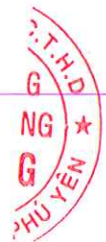
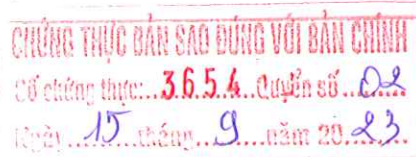
Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *MĐH*



Vũ Hữu Phúc  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2023



Số: 0111 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 12227/BTC-CKTK ngày 03 tháng 9 năm 2015 về việc trả lời Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.345.562.031.883</b>	<b>1.412.510.148.322</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	136.642.787.556	4.347.235.928
1. Tiền	111		16.642.787.556	4.347.235.928
2. Các khoản tương đương tiền	112		120.000.000.000	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	984.000.000.000	858.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		984.000.000.000	858.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		218.685.801.899	545.369.614.446
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	24	189.105.768.136	531.999.750.440
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.691.454.888	1.186.614.456
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	27.888.578.875	12.183.249.550
IV. Hàng tồn kho	140	7	5.500.320.244	4.120.838.065
1. Hàng tồn kho	141		5.500.320.244	4.120.838.065
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		733.122.184	172.459.883
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		570.145.211	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	162.976.973	172.459.883
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>913.154.354.217</b>	<b>1.007.974.422.515</b>
I. Tài sản cố định	220		869.139.437.437	962.575.177.649
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	864.066.464.262	957.257.231.524
- Nguyên giá	222		4.250.867.344.668	4.243.385.838.668
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.386.800.880.406)	(3.286.128.607.144)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	5.072.973.175	5.317.946.125
- Nguyên giá	228		6.776.510.046	6.776.510.046
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.703.536.871)	(1.458.563.921)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		30.320.429.600	31.704.757.686
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	30.320.429.600	31.704.757.686
III. Tài sản dài hạn khác	260		13.694.487.180	13.694.487.180
1. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	7	13.694.487.180	13.694.487.180
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.258.716.386.100</b>	<b>2.420.484.570.837</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>82.392.001.468</b>	<b>163.003.690.359</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>68.892.001.468</b>	<b>149.503.690.359</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	12.871.940.311	38.229.943.219
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	14.509.122.189	50.487.351.754
3. Phải trả người lao động	314		1.771.028.662	14.554.808.325
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	1.000.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	21.095.720.888	38.091.877.931
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	14	18.644.189.418	7.140.209.130
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.500.000.000</b>	<b>13.500.000.000</b>
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		13.500.000.000	13.500.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.176.324.384.632</b>	<b>2.257.480.880.478</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>2.176.324.384.632</b>	<b>2.257.480.880.478</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		48.000.000.000	48.000.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		334.703.127.436	334.664.064.163
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		551.371.257.196	632.566.816.315
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		490.172.110.542	51.468.213.273
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		61.199.146.654	581.098.603.042
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.258.716.386.100</b>	<b>2.420.484.570.837</b>

  
 CHỮA THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
 Số chứng thực: 3656 Quyết số 02  
 Ngày 15 tháng 9 năm 2023  
 Đặng Thị Lan  
 Người lập biểu

Đoàn Thị Mỹ Đông  
 Kế toán trưởng



Vũ Hữu Phúc  
 Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2023



**VŨ XUÂN HÙNG**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng	01	16	243.252.479.373	299.796.207.828
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10		243.252.479.373	299.796.207.828
3. Giá vốn hàng bán	11	17	175.449.316.266	161.591.605.878
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		67.803.163.107	138.204.601.950
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	28.619.737.991	13.802.773.375
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	25.141.536.049	18.940.671.860
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		71.281.365.049	133.066.703.465
8. Chi phí khác	32		-	2.445.454
9. (Lỗ) khác (40=-32)	40		-	(2.445.454)
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		71.281.365.049	133.064.258.011
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	10.082.218.395	8.754.897.971
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		61.199.146.654	124.309.360.040
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	493	972

Đặng Thị Lan  
Người lập biểu

Đoàn Thị Mỹ Đông  
Kế toán trưởng



Vũ Hữu Phúc  
Tổng Giám đốc



Ngày 11 tháng 8 năm 2023



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	71.281.365.049	133.064.258.011
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	100.892.826.212	99.111.985.844
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(28.619.737.991)	(13.802.773.375)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	143.554.453.270	218.373.470.480
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	262.296.305.214	165.393.346.044
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.379.482.179)	(659.838.990)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	14.115.805.595	(54.731.623.492)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	128.571.363
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(21.244.076.099)	(22.683.400.034)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	6.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.607.150.000)	(7.815.891.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	390.741.855.801	298.004.633.372
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(12.697.830.877)	(3.708.326.751)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(417.000.000.000)	(332.150.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	291.500.000.000	65.650.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	12.877.099.634	13.497.063.786
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(125.320.731.243)	(256.711.262.965)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(133.125.572.930)	(250.964.597)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(133.125.572.930)	(250.964.597)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	132.295.551.628	41.042.405.810
Tiền đầu kỳ	60	4.347.235.928	4.469.299.788
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	136.642.787.556	45.511.705.598

Đặng Thị Lan  
Người lập biểu

Đoàn Thị Mỹ Đông  
Kế toán trưởng



Vũ Hữu Phúc  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2023



**CÔNG CHỨNG VIÊN**



**VÕ XUÂN HÙNG**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 4400415302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) từ ngày 07 tháng 6 năm 2018 với mã chứng khoán SBH.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần. Công ty mẹ tối cao của Công ty là Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 108 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 109).

#### Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; đầu tư và quản lý các dự án nguồn điện; dịch vụ quản lý, vận hành, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình điện, nhà máy điện và trạm biến áp; dịch vụ tư vấn, quản lý dự án nhà máy điện và trạm biến áp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: dịch vụ thí nghiệm điện, cơ, lý, hóa trong các công trình điện, nhà máy điện và trạm biến áp; và
- Kinh doanh du lịch và dịch vụ kèm theo.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

### Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 12227/BTC-CĐKT ngày 03 tháng 9 năm 2015 về việc trả lời Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này của Công ty được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị của các vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản, được phản ánh theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi dự phòng giảm giá (nếu có).

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 27
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	10 - 15

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

12/11/2011

H.Đ  
ẤN  
NG  
Ổ H  
0A-

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất có thời hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính là 5 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang***

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

***Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi công trình sửa chữa lớn hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Chi phí phát sinh của các công trình sửa chữa lớn chưa được hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng tại thời điểm cuối kỳ được theo dõi trên tài khoản "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang".

**Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty.

**Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100

10-C  
PHÒNG  
CHỨNG  
KINH  
T. PHỤ

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty không có bất cứ khoản chênh lệch tạm thời giữa thu nhập tính thuế và thu nhập kế toán nên Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại hoặc thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	946.972.269	83.677.968
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.695.815.287	4.263.557.960
Các khoản tương đương tiền (i)	120.000.000.000	-
	<u>136.642.787.556</u>	<u>4.347.235.928</u>

(i) Bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc 3 tháng và lãi suất từ 4,6%/năm đến 6,3%/năm.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	984.000.000.000	984.000.000.000	858.500.000.000	858.500.000.000
	<u>984.000.000.000</u>	<u>984.000.000.000</u>	<u>858.500.000.000</u>	<u>858.500.000.000</u>

(i) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,9%/năm đến 6,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 3,7%/năm đến 6,5%/năm).

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Lãi dự thu	26.329.426.028	10.586.787.671
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	874.528.686	1.392.655.700
Các khoản phải thu khác	684.624.161	203.806.179
	<u>27.888.578.875</u>	<u>12.183.249.550</u>

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 24)	200.000.000	-
---	-------------	---

7. HÀNG TỒN KHO VÀ THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Hàng tồn kho</b>				
Nguyên liệu, vật liệu	3.630.288.168	-	3.833.525.989	-
Công cụ, dụng cụ	1.870.032.076	-	287.312.076	-
	<u>5.500.320.244</u>	<u>-</u>	<u>4.120.838.065</u>	<u>-</u>
<b>b. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn</b>				
	13.694.487.180	-	13.694.487.180	-
	<u>13.694.487.180</u>	<u>-</u>	<u>13.694.487.180</u>	<u>-</u>



9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	4.500.000.000	2.276.510.046	6.776.510.046
Số dư cuối kỳ	4.500.000.000	2.276.510.046	6.776.510.046
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	562.500.000	896.063.921	1.458.563.921
Khấu hao trong kỳ	45.000.000	199.972.950	244.972.950
Số dư cuối kỳ	607.500.000	1.096.036.871	1.703.536.871
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư đầu kỳ	3.937.500.000	1.380.446.125	5.317.946.125
Số dư cuối kỳ	3.892.500.000	1.180.473.175	5.072.973.175

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 680.816.448 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 541.479.948 VND).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công trình xây dựng Trụ sở Công ty tại đường Hùng Vương, tỉnh Phú Yên	28.028.990.042	24.728.846.831
Khác	2.291.439.558	6.975.910.855
	<b>30.320.429.600</b>	<b>31.704.757.686</b>

10-  
HỒN  
HỨN  
ING  
PHÚ

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Trí Minh	3.950.492.800	3.950.492.800	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại Đông Tây	3.313.770.880	3.313.770.880	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo Sao Việt	2.142.943.920	2.142.943.920	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Ngọc Bảo	826.615.649	826.615.649	4.479.017.241	4.479.017.241
Công ty TNHH Vật tư và Thiết bị Nam Hải	-	-	10.548.964.800	10.548.964.800
Công ty Cổ phần Công nghệ và giải pháp SST Việt nam	-	-	3.008.657.520	3.008.657.520
Các nhà cung cấp khác	2.638.117.062	2.638.117.062	20.193.303.658	20.193.303.658
	<b>12.871.940.311</b>	<b>12.871.940.311</b>	<b>38.229.943.219</b>	<b>38.229.943.219</b>
Trong đó:	403.146.659	403.146.659	3.378.707.078	3.378.707.078
Phải trả người bán ngắn hạn bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 24)				

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	172.459.883	891.621.869	882.138.959	162.976.973
	<b>172.459.883</b>	<b>891.621.869</b>	<b>882.138.959</b>	<b>162.976.973</b>
<b>b. Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	6.711.474.617	26.294.245.847	33.005.720.464	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.581.359.065	10.082.218.395	21.244.076.099	6.419.501.361
Thuế tài nguyên	11.363.099.832	17.489.651.218	24.035.012.542	4.817.738.508
Phí dịch vụ môi trường và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	14.831.418.240	10.304.200.064	21.863.735.984	3.271.882.320
Các loại thuế khác	-	94.742.120	94.742.120	-
	<b>50.487.351.754</b>	<b>64.265.057.644</b>	<b>100.243.287.209</b>	<b>14.509.122.189</b>

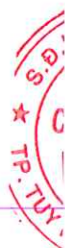
13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Cổ tức phải trả	15.669.513.719	24.570.086.649
Thuế giá trị gia tăng đầu ra của doanh thu bán điện chưa xuất hóa đơn	5.363.375.838	13.382.746.716
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	45.836.331	121.549.566
Phải trả ngắn hạn khác	16.995.000	16.995.000
	<b>21.095.720.888</b>	<b>38.091.377.931</b>
Trong đó: Phải trả khác cho các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 24)	14.240.000.000	23.120.000.000

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	7.140.209.130	6.233.019.868
Tăng trong kỳ	18.136.642.500	14.886.462.000
- Trích quỹ	18.130.642.500	14.886.462.000
- Tăng khác	6.000.000	-
Giảm trong kỳ	(6.632.662.212)	(7.840.311.999)
- Sử dụng quỹ	(6.607.150.000)	(7.815.891.999)
- Giảm khác	(25.512.212)	(24.420.000)
Số dư cuối kỳ	<b>18.644.189.418</b>	<b>13.279.169.869</b>

Số / T / AN / IE / H / PV



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>					
Số dư đầu năm trước	1.242.250.000.000	48.000.000.000	240.434.770.345	471.146.469.091	2.001.831.239.436
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	643.211.103.042	643.211.103.042
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	94.229.293.818	(94.229.293.818)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(14.886.462.000)	(14.886.462.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(372.675.000.000)	(372.675.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.242.250.000.000</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>334.664.064.163</b>	<b>632.566.816.315</b>	<b>2.257.480.880.478</b>
<b>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</b>					
Số dư đầu kỳ này	1.242.250.000.000	48.000.000.000	334.664.064.163	632.566.816.315	2.257.480.880.478
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	61.199.146.654	61.199.146.654
Trích quỹ khen đầu tư phát triển (i)	-	-	39.063.273	(39.063.273)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(18.130.642.500)	(18.130.642.500)
Cổ tức công bố (ii)	-	-	-	(124.225.000.000)	(124.225.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>1.242.250.000.000</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>334.703.127.436</b>	<b>551.371.257.196</b>	<b>2.176.324.384.632</b>

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 1360/NQ - SBH ngày 21 tháng 6 năm 2023, Công ty thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau: Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi số tiền 18.130.642.500 VND và trích quỹ đầu tư phát triển số tiền 39.063.273 VND.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 1360/NQ - SBH ngày 21 tháng 6 năm 2023 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 1119/NQ-SBH ngày 30 tháng 5 năm 2023, Công ty đã thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ, tương đương với số tiền là 124.225.000.000 VND. Ngày chốt quyền là ngày 15 tháng 6 năm 2023 và thời gian thực hiện chi trả cổ tức là ngày 05 tháng 7 năm 2023.

Vốn điều lệ:

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 6 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 1.242.250.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.242.250.000.000 VND). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	767.409.310.000	61,78%	767.409.310.000	61,78%
Công ty TNHH Năng lượng REE	320.000.000.000	25,76%	320.000.000.000	25,76%
Các cổ đông khác	154.840.690.000	12,46%	154.840.690.000	12,46%
	<b>1.242.250.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.242.250.000.000</b>	<b>100%</b>

Cổ phiếu	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	124.225.000	1.242.250.000.000	124.225.000	1.242.250.000.000
Cổ phiếu phổ thông	124.225.000	1.242.250.000.000	124.225.000	1.242.250.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	124.225.000	1.242.250.000.000	124.225.000	1.242.250.000.000
Cổ phiếu phổ thông	124.225.000	1.242.250.000.000	124.225.000	1.242.250.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

16. DOANH THU BÁN HÀNG

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán điện	243.252.479.373	299.796.207.828
	<b>243.252.479.373</b>	<b>299.796.207.828</b>
Trong đó:	243.252.479.373	299.796.207.828
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 24)		

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn bán điện	175.449.316.266	161.591.605.878
	<b>175.449.316.266</b>	<b>161.591.605.878</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	71.281.365.049	133.064.258.011
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>921.080.910</i>	<i>625.381.284</i>
Thu nhập tính thuế	72.202.445.959	133.689.639.295
<i>Thu nhập tính thuế ở mức ưu đãi thuế suất doanh nghiệp</i>	<i>43.582.707.968</i>	<i>119.886.865.920</i>
<i>Thu nhập tính thuế suất thông thường</i>	<i>28.619.737.991</i>	<i>13.802.773.375</i>
<i>Thuế suất ưu đãi đối với lợi nhuận từ hoạt động bán điện</i>	<i>10%</i>	<i>5%</i>
<i>Thuế suất đối với lợi nhuận từ hoạt động khác</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>10.082.218.395</b>	<b>8.754.897.971</b>

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư, Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 10% đối với lợi nhuận từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư phát triển nhà máy thủy điện. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2022).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường là 20%.

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

## 22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61.199.146.654	124.309.360.040
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(3.503.995.120)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	61.199.146.654	120.805.364.920
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	124.225.000	124.225.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>493</b>	<b>972</b>

Theo Quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế cần được loại ra khỏi lợi nhuận sau thuế khi ước tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Do vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được xác định lại trên cơ sở trích lập số quỹ khen thưởng, phúc lợi tương ứng cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2022.

Số quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2022 được trích lập dựa trên số quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, tính theo tỷ lệ lợi nhuận sau thuế của 6 tháng đầu năm 2022 trên lợi nhuận sau thuế năm 2022.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước được điều chỉnh như sau:

	Kỳ trước	
	Số báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	124.309.360.040	124.309.360.040
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(3.503.995.120)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	124.309.360.040	120.805.364.920
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	124.225.000	124.225.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.001	972

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 do Đại hội đồng Cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2023. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu "Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông" có thể điều chỉnh giảm, dẫn đến việc "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" giảm tương ứng.

## 23. CÁC KHOẢN CAM KẾT

### Cam kết vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	5.500.000.000	6.400.000.000
Đã duyệt và đã ký hợp đồng	13.586.000.000	16.482.019.553
	19.086.000.000	22.882.019.553

## 24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong Tập đoàn
Trường Cao đẳng Điện lực Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	Công ty trong Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Điện lực Phú Yên	Công ty trong Tập đoàn

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau đây:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu bán điện</b>		
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	243.252.479.373	299.796.207.828
	<u>243.252.479.373</u>	<u>299.796.207.828</u>
<b>Mua dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	1.167.019.444	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.067.648.512	761.777.836
Công ty Điện lực Phú Yên	284.114.230	-
Trường cao đẳng Điện lực Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	42.168.000	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	-	392.263.859
	<u>2.560.950.186</u>	<u>1.154.041.695</u>
<b>Chia cổ tức</b>		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	76.740.931.000	-
Công ty TNHH Năng lượng REE	32.000.000.000	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	8.960.000.000	-
Tổng Công ty Điện lực Miền trung	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	1.280.000.000	-
	<u>122.980.931.000</u>	<u>-</u>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	189.105.768.136	531.999.750.440
	<u>189.105.768.136</u>	<u>531.999.750.440</u>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	200.000.000	-
	<u>200.000.000</u>	<u>-</u>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	380.955.659	2.207.454.421
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	22.191.000	276.655.727
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	-	894.596.930
	<u>403.146.659</u>	<u>3.378.707.078</u>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	254.000.000	-
	<u>254.000.000</u>	<u>-</u>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	8.960.000.000	4.480.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền trung	4.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	1.280.000.000	640.000.000
Công ty TNHH Năng lượng REE	-	16.000.000.000
	<u>14.240.000.000</u>	<u>23.120.000.000</u>



Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>			
Ông Nguyễn Văn Tặng	Chủ tịch	194.400.000	194.400.000
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên	28.800.000	30.600.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	15.300.000	30.600.000
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên độc lập	15.300.000	30.600.000
<b>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>			
Ông Vũ Hữu Phúc	Tổng Giám đốc	11.345.455	-
Ông Trần Lý	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	27.200.000	187.200.000
Ông Châu Đình Quốc	Phó Tổng Giám đốc	165.600.000	165.600.000
Ông Nguyễn Đức Phú	Phó Tổng Giám đốc	165.600.000	165.600.000
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>			
Ông Ngô Đức Thăng	Trưởng Ban	172.800.000	165.600.000
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Thành viên	9.690.000	19.380.000
Ông Tài Hoàng Nhật Quang	Thành viên (đã miễn nhiệm)	17.226.667	19.380.000

**25. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 4.777.108.449 VND (2022: 4.709.338.139 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu lãi tiền gửi trong kỳ không bao gồm 26.329.426.028 VND (2022: 10.586.787.671 VND), là số tiền lãi dự thu chưa thu được trong kỳ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong kỳ không bao gồm 15.669.513.719 VND (2022: 24.570.086.649 VND), là số tiền cổ tức đã chia chưa thanh toán cho cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

26. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 1360/NQ - SBH ngày 21 tháng 6 năm 2023 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 1513/NQ-SBH ngày 05 tháng 7 năm 2023, Công ty thông qua việc chi trả cổ tức năm 2022 còn lại với tỷ lệ 15% vốn điều lệ, tương đương với giá trị 186.337.500.000 VND. Ngày chốt quyền nhận cổ tức là ngày 06 tháng 9 năm 2023. Thời gian thực hiện chi trả cổ tức là ngày 27 tháng 9 năm 2023.

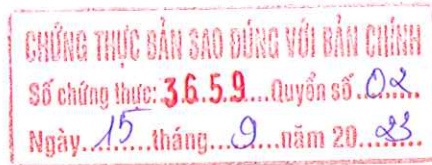
Đặng Thị Lan  
Người lập biểu

Đoàn Thị Mỹ Đông  
Kế toán trưởng



Vũ Hữu Phúc  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2023



CÔNG CHỨNG VIÊN



VỖ XUÂN HÙNG

T.H.Đ  
C  
YÊN

32-C.T.C.P  
YÊN

T.T.N.H.H  
HÙNG